

Bản án số: 394/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận.
2. Bà Đàm Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 307 lô G chung cư A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Q, sinh năm 1990 – Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2018 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1/4D Bà Triệu, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: 702/56 Đường E, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà H trình bày:

Ngày 25/12/2012, bà cho bà T vay 04 lượng vàng SJC, lãi suất 2%/ tháng, với thời hạn 02 năm, mục đích là mua xe máy cho chồng dùng để chạy xe ôm. Ngày 30/11/2013, vợ chồng bà T cam kết trả cho bà số vàng đã vay. Sau đó, bà T đã trả 0,5 lượng vàng SJC và không trả lãi. Ngày 10/9/2015, bà T một lần nữa viết cam kết sẽ thực hiện đúng lời hứa trả số vàng còn thiếu là 3,5 lượng vàng SJC và tiền lãi 2% tương đương 2.000.000 đồng. Bà xác nhận bà chỉ cho bà T vay vàng, ông H là người ký tên chứng kiến vào giấy cam kết năm 2013. Mọi giao dịch chỉ diễn ra giữa bà và bà T và

không liên quan tới ông Hoàng. Nhiều lần bà yêu cầu bà T trả số vàng còn nợ nhưng bà T hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện đúng cam kết. Hiện nay bà đã già yếu, số vàng cho bà T vay là tài sản duy nhất của bà để dưỡng già, vì vậy bà yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà T phải trả ngay 3,5 lượng vàng SJC tương đương với số tiền là 120.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà T và ông H nhiều lần để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T, ông H đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn và ông H vắng mặt không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát kiến nghị quá trình giải quyết vụ án Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa là vi phạm quy định về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định bà T còn nợ bà H 3,5 lượng vàng, thời hạn vay đã lâu, nhiều lần bà T cam kết trả nợ cho bà H nhưng bà T không thực hiện. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay 3,5 lượng vàng SJC, số vàng trên được quy đổi ra Đồng Việt Nam tại thời điểm giao dịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bị đơn trả số nợ còn thiếu có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn bà T có hộ khẩu thường trú tại Quận 10 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ông H là chồng của bà T ký tên trên giấy cam kết ngày 30/11/2013. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T, ông H đến Tòa nhưng vắng mặt, do đó không xác định được số tiền trên bà T và ông H có sử dụng vào mục đích tiêu dùng trong gia đình hay không. Ngoài ra, bà H không yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số vàng trên. Vì vậy, Tòa án không đưa ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà H yêu cầu bà T trả 3,5 lượng vàng SJC, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn bà H có lời khai trong giấy cam kết, giấy mượn tiền có lúc ghi tên là “chị Lan”, bà H xác nhận tên thường gọi của bà là Lan nhưng trên giấy tờ mang tên là H. Vì vậy, tên Lan và H là một người.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H đã cung cấp cho Tòa án các “Giấy cam kết” và “Giấy mượn tiền” vào các ngày 25/12/2012, 01/12/2013, 10/9/2015 và giấy cam kết không ghi ngày đều có chữ ký, chữ viết của người cam kết mang tên T. Trong đó, bà T đều thừa nhận có vay 04 lượng vàng SJC của bà H, đã trả 0,5 lượng vàng SJC và còn nợ lại 3,5 lượng vàng SJC.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà T không có ý kiến phản đối, không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên căn cứ vào khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì “sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán” là “hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng”. Đối với giao dịch giữa bà H và bà T được xác lập vào ngày 25/12/2012 sau ngày Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử quy đổi 3,5 lượng vàng SJC ra Đồng Việt Nam theo giá vàng mua vào của tổ chức được phép hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trên thị trường, tại thời điểm xác lập giao dịch (theo giá của Công ty TNHH Một Thành viên vàng bạc đá quý Sài Gòn SJC) là 46.370.000 đồng/01lượng. Cụ thể: 3,5 lượng vàng SJC x 46.370.000 đồng/lượng SJC = 162.295.000 đồng.

Do bà T đã vi phạm thời hạn thanh toán làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà H theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do vậy yêu cầu của bà H buộc bà T phải trả ngay số nợ trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về án phí: Bị đơn chịu án dân sự sơ thẩm là 8.114.750 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 488 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà T trả nợ.

Buộc bà T trả cho bà H số tiền là 162.295.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T chịu 8.114.750 đồng. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001858 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Lan